

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-01-2026
V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC B - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Hoa;
2. Ông Giàng Seo Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực B - Lào Cai.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực B - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2025/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị L T L, sinh năm 1997.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C C, xã B H, tỉnh Lào Cai;

Địa chỉ để Tòa án liên hệ: Thôn N K, xã B H, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh T C Q, sinh năm 1993.

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn C C, xã B H, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện của chị L T L đề ngày 09/10/2025, bản tự khai nguyên đơn chị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T C Q sau quá trình tìm hiểu và yêu thương nhau, ngày 02 tháng 12 năm 2016 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện B H, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã B H, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2022 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q mỗi lần uống rượu về nhà thường xuyên gây sự, chửi mắng, đuổi chị ra khỏi nhà. Do không thể chịu đựng được đầu năm 2025 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn N G, xã B N, tỉnh Lào Cai, sau đó anh Q có đến đón chị, chị đã đồng ý quay về nhưng khi trở về vợ chồng không còn tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Hiện nay chị đi làm tại

Hometay Pan Hause B H địa chỉ thôn N K, xã B H, tỉnh Lào Cai ở tại đó trông nom, quản lý, do vậy anh Q nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác, mâu thuẫn giữa chị và anh Q đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 02 năm 2025 vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Do vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T C Q.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Quá trình chung sống chị và anh Q có 02 (hai) người con chung là các cháu T X D, sinh ngày 29/9/2017 và cháu T X B T, sinh ngày 20/01/2020 cả hai cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giải quyết cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm lao động hợp đồng tại Hometay Pan Hause B H, thu nhập được 9.000.000 đồng (chín triệu đồng) /tháng đảm bảo việc trực tiếp nuôi dạy 01 con khi ly hôn mà anh Q không phải cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đề nghị của bị đơn T C Q:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của chị L về quá trình chung sống của vợ chồng. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra trầm trọng từ đầu năm 2025, nguyên nhân là do chị L đi làm thuê tại Homestay ở xã B H có quan hệ bất chính với người khác, anh nói chị L thì chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó anh đã đi đón chị L về, nhưng đến tháng 8 năm 2025 thì chị L lại tiếp tục bỏ đi và chặn hết liên lạc với anh, từ đó vợ chồng sống ly thân với nhau. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị L làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, sau một thời gian nín nhịn nhưng không được nên anh nhất trí ly hôn với chị L T L.

- Về con chung, nuôi con khi ly hôn: Anh và chị L có 02 con chung là cháu T X D, sinh ngày 29/9/2017 và cháu T X B T, sinh ngày 20/01/2020 các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu D và cháu T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh và chị L đều đang làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập hàng tháng của mỗi người được khoảng từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, anh chị đều có thu nhập, đủ điều kiện nuôi con.

- Về quan hệ tài sản, về quyền và nghĩa vụ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn, anh T C Q có địa chỉ nơi cư trú tại xã B H, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực B - Lào Cai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã giao cho nguyên đơn, bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng các đương sự đã có lời khai và tham gia hòa giải. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho các đương sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N H, huyện B H, tỉnh Lào Cai (Nay là UBND xã B H, tỉnh Lào Cai) do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau cho đến năm 2022 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q nghi ngờ chị L có quan hệ bất chính với người khác nên thường gây sự, chửi mắng, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng xảy ra trầm trọng từ đầu năm 2025, đến nay vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, sống ly thân bỏ mặc nhau, sự việc mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Quá trình hòa giải chị L giữ nguyên yêu cầu được ly hôn và anh Q cũng nhất trí ly hôn chị L. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc ly hôn của chị L T L và anh T C Q theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về nuôi dưỡng con khi ly hôn*: Chị L và anh Q có 02 con chung là cháu T X D, sinh ngày 29/9/2017 và cháu T X B T, sinh ngày 20/01/2020, hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Ý kiến của nguyên đơn chị L T L: Sau khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T, để anh Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu D cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh Q đều đang làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập hàng tháng của chị được 9.000.000 đồng.

Ý kiến của anh T C Q khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai cháu D và cháu T cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con, anh và chị L đều đang làm lao động tự do tại địa phương, thu nhập hàng tháng của mỗi người được khoảng từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi con. Nguyên vọng của cháu T X D là bố mẹ ly hôn muốn trực tiếp ở cùng bố vì ở với bố có nhiều bạn bè, ở cùng với mẹ không quen ai.

Xét chị L và anh Q đều quan tâm, yêu thương, chăm sóc tốt cho con, có thu nhập, đều là lao động chính và cùng có nguyện vọng nuôi dưỡng con khi ly hôn. Hợp đồng lao động do chị L nộp và tại đơn xác nhận của thôn, xã chị L đang làm tại Homestay Pan Hause B H thu nhập được 9.000.000 đồng/ tháng, nên việc giao cháu T X D sinh ngày 29/9/2017 cho anh T C Q và giao cháu T X B T sinh ngày 20/01/2020 cho chị L T L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và các quy định

khác của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Các bên không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

[4]. *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Chị L T L phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Nghị Quyết số 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 57; 58; Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L T L. Xử cho chị L T L được ly hôn anh T C Q.

Quan hệ hôn nhân của chị L T L và anh T C Q chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về nuôi con khi ly hôn*:

- Xử giao cháu T X B T sinh ngày 20/01/2020 cho chị L T L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; Giao cháu T X D sinh ngày 29/9/2017 cho anh T C Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị L T L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001291 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Chị L T L đã nộp đủ tiền án phí.

4. *Quyền kháng cáo đối với bản án*: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực B-Lào Cai (2);
- THA dân sự tỉnh Lào Cai;
- UBND xã B H, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng

